

NGHỊ QUYẾT

Về việc bổ sung diện tích đất trồng lúa nước chuyển mục đích thực hiện dự án năm 2021 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT- BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Xét Tờ trình số 59/TTr-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc bổ sung danh mục dự án thu hồi đất và chuyển mục đích đất trồng lúa nước năm 2021 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Báo cáo thẩm tra số 171/BC-HĐND ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Tỉnh; ý kiến của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất bổ sung diện tích đất trồng lúa nước chuyển mục đích thực hiện dự án năm 2021 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Cụ thể như sau:

Bổ sung tổng diện tích đất trồng lúa nước chuyển mục đích sang đất phi nông nghiệp để thực hiện 27 dự án với diện tích 23,80 ha (kèm theo biểu).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân Tỉnh rà soát, hoàn chỉnh thủ tục theo quy định, tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân Tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp khóa X, Kỳ họp thứ hai thông qua ngày 17 tháng 8 năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 8 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT/TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN Tỉnh;
- Đoàn ĐBQH Tỉnh;
- Đại biểu HĐND Tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành Tỉnh;
- TT/HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Công báo Tỉnh; Cổng Thông tin điện tử Tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.



CHỦ TỊCH

Phan Văn Thắng

BIỂU BỔ SUNG DIỆN TÍCH CHUYÊN MỤC ĐÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA NƯỚC THỰC HIỆN DỰ ÁN NĂM 2021 TỈNH ĐỒNG THÁP

(Kèm theo Nghị quyết số 50/2021/NQ-HĐND ngày 17 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Tỉnh)

Đơn vị tính: ha

Số TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Sử dụng từ các loại đất												Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú	
				Diện tích (ha)	Đất lúa	Đất cây lâu năm	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	Đất ở tại đô thị	Đất ở tại nông thôn	Đất trụ sở cơ quan	đất thủy lợi	đất nghĩa trang, nghĩa địa	Đất giao thông	Đất phi nông nghiệp khác			
I	Thành phố Cao Lãnh	0,0350	0,0000	0,0350	0,0350	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000			
1	Chuyển mục đích từ đất lúa sang đất thương mại, dịch vụ	0,0350		0,0350	0,0350												Phường 6	
II	Huyện Tháp Mười	2,2181	0,0000	2,2181	1,9222	0,0000	0,1968	0,0991	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000			
1	Chuyển mục đích từ đất lúa nước sang đất thương mại, dịch vụ (Cửa hàng bán lẻ xăng dầu ông Phan Văn Út)	0,1621		0,1621	0,1621												Thanh Lợi	
2	Chuyển mục đích từ đất lúa sang đất thương mại, dịch vụ (Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Thiên Hộ của ông Lê Vĩnh Long)	0,9999		0,9999	0,9999												thị trấn Mỹ An	
3	Chuyển mục đích từ đất lúa sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp của ông La Văn Lâm (xây dựng Nhà xưởng gia công phối trộn phân bón)	0,1138		0,1138	0,1138												Thanh Lợi	

Số TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Sử dụng từ các loại đất												Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú	
				Diện tích (ha)	Đất lúa	Đất cây lâu năm	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	Đất ở tại đô thị	Đất ở tại nông thôn	Đất trụ sở cơ quan	đất thủy lợi	đất nghĩa trang, nghĩa địa	Đất giao thông	Đất phi nông nghiệp khác			
4	Chuyển mục đích từ đất lúa sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp của ông Hà Văn Tuấn (xây dựng Nhà xưởng may)	0,3459		0,3459	0,0500		0,1968	0,0991									Mỹ Đông	
5	Chuyển mục đích từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất thương mại, dịch vụ (Cửa hàng bán lẻ xăng dầu ông Vũ Thế Ninh)	0,3464		0,3464	0,3464												Hưng Thạnh	
6	Chuyển mục đích từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất thương mại, dịch vụ (phòng Khám y học cổ truyền Tôn Ngọc của ông Lê Thái Tôn)	0,2500		0,2500	0,2500												thị trấn Mỹ An	
III	Huyện Thanh Bình	8,0150	0,0700	7,9450	7,9450	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000			
1	Chuyển mục đích từ đất lúa sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	0,4040		0,4040	0,4040												Tân Mỹ	
2	Chuyển mục đích từ đất lúa nước sang đất thương mại, dịch vụ	0,4910		0,4910	0,4910												Tân Mỹ	
3	Chuyển mục đích từ đất lúa nước sang đất thương mại, dịch vụ	0,0500		0,0500	0,0500												Bình Tấn	

Số TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Sử dụng từ các loại đất												Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú	
				Diện tích (ha)	Đất lúa	Đất cây lâu năm	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	Đất ở tại đô thị	Đất ở tại nông thôn	Đất trụ sở cơ quan	đất thủy lợi	đất nghĩa trang, nghĩa địa	Đất giao thông	Đất phi nông nghiệp khác			
4	Chuyển mục đích từ đất lúa sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	0,8400	0,0700	0,7700	0,7700												Tân Thạnh	
5	Chuyển mục đích từ đất lúa sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	0,1700		0,1700	0,1700												Tân Long	
6	Chuyển mục đích từ đất lúa sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	6,0600		6,0600	6,0600												Tân Thạnh	
IV	Huyện Lai Vung	6,6739	0,0000	6,6739	3,3089	0,9518	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	2,4132			
1	Chuyển mục đích từ đất trồng lúa sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (Dự án Nhà máy sản xuất phân bón MeKong Greenbio tại huyện Lai Vung của Công ty TNHH MeKong Greenbio)	5,6236		5,6236	2,2586	0,9518									2,4132		Tân Hòa	Quyết định số 1831/QĐ-UBND-HC ngày 01/12/2020 của UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư
2	Dự án khu dân cư tư nhân Hồng Lan	1,0503		1,0503	1,0503												Long Thắng	Quyết định số 338/QĐ-UBND-HC ngày 23/3/2021 của UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư

Số TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Sử dụng từ các loại đất												Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú	
				Diện tích (ha)	Đất lúa	Đất cây lâu năm	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	Đất ở tại đô thị	Đất ở tại nông thôn	Đất trụ sở cơ quan	đất thủy lợi	đất nghĩa trang, nghĩa địa	Đất giao thông	Đất phi nông nghiệp khác			
V	Huyện Hồng Ngự	1,1410	0,0000	1,1410	1,1050	0,0060	0,0000	0,0000	0,0000	0,0300	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000			
1	Chuyển mục đích từ đất lúa nước sang đất thương mại, dịch vụ (Đỗ Nguyễn Thùy Trang)	0,1000		0,1000	0,1000												Thường Phước 1	
2	Chuyển mục đích từ đất lúa sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (Lê Phước Sang)	0,2200		0,2200	0,2200												Thường Phước 1	
3	Chuyển mục đích từ đất lúa nước sang đất thương mại, dịch vụ (Đỗ Nguyễn Thùy Trang)	0,0500		0,0500	0,0500												Thường Phước 2	
4	Chuyển mục đích từ đất lúa nước sang đất thương mại, dịch vụ (Công ty Xăng dầu Đồng Tháp)	0,1930		0,1930	0,1930												Thường Phước 2	Công văn số 147/UBND-KT ngày 15/3/2021 của UBND tỉnh
5	Chuyển mục đích từ đất lúa nước sang đất thương mại, dịch vụ (Nguyễn Thanh Nhân)	0,0870		0,0870	0,0870												Thường Phước 2	
6	Chuyển mục đích từ đất lúa sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (Phan Văn Thanh)	0,3900		0,3900	0,3900												Phú Thuận B	

Số TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Sử dụng từ các loại đất												Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú	
				Diện tích (ha)	Đất lúa	Đất cây lâu năm	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	Đất ở tại đô thị	Đất ở tại nông thôn	Đất trụ sở cơ quan	đất thủy lợi	đất nghĩa trang, nghĩa địa	Đất giao thông	Đất phi nông nghiệp khác			
1	Dự án Nhà máy gạch men Hà Thanh của Công ty Cổ phần Bê tông Hà Thanh	8,8500		8,8500	8,8500												Phú Hiệp	Quyết định số 189/QĐ-UBND-HC ngày 09/02/2021 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư
Tổng		27,5670	0,0700	27,4970	23,8001	0,9578	0,1968	0,0991	0,0000	0,0300	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	2,4132			